



DUGARCO

THƯ MỜI HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

Kính gửi: Quý cổ đông
Số cổ phiếu nắm giữ: CP
Địa chỉ:

Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Đức Giang trân trọng kính mời Quý vị cổ đông đến dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023, nội dung như sau:

1- Thời gian: 8h00 đến 10h30 thứ Năm ngày 20/4/2023

(Đón tiếp và làm thủ tục cho đại biểu từ 7h30)

2- Địa điểm: Số 59 phố Đức Giang, Quận Long Biên, TP Hà Nội

3- Nội dung:

- 1- Báo cáo của TGD về tình hình SXKD năm 2022 và phương hướng kế hoạch năm 2023;
- 2- Báo cáo của HĐQT đánh giá tình hình thực hiện năm 2022, nhiệm vụ và kế hoạch hoạt động của HĐQT năm 2023;
- 3- Báo cáo của Ban Kiểm soát đánh giá tình hình thực hiện năm 2022, nhiệm vụ và kế hoạch hoạt động của BKS năm 2023;
- 4- Thông qua phương án phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2022;
- 5- Một số nội dung quan trọng khác.

* Ngày chốt Danh sách cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông 28/3/2023.

* Nếu không tham dự họp Quý vị cổ đông có thể uỷ quyền cho người khác tham dự (theo mẫu uỷ quyền của Tổng công ty; người được uỷ quyền không được uỷ quyền lại cho người khác).

* Đề nghị Quý vị cổ đông đăng ký dự họp, uỷ quyền dự họp, đăng ký phát biểu và đóng góp ý kiến (nếu có) chậm nhất là ngày 10/4/2023 bằng điện thoại 024.38274244 hoặc email huyennt@mayductiang.com.vn.

Khi tham dự họp Đại hội đồng Cổ đông, đề nghị Quý vị cổ đông lưu ý:

Mang theo căn cước công dân, thư mời họp (hoặc giấy uỷ quyền) để công tác kiểm tra tư cách đại biểu đảm bảo đúng theo qui định của Pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

Ghi chú: Thư mời họp này thay cho giấy mời.

Trân trọng kính mời !

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



CHỦ TỊCH

Hoàng Vệ Dũng

TỔNG CÔNG TY ĐỨC GIANG
CÔNG TY CỔ PHẦN



DUGARCO

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng 4 năm 2023

**XÁC NHẬN THAM DỰ
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023**

Kính gửi: Tổng công ty Đức Giang - CTCP

Họ và tên cổ đông:

CCCD/Hộ chiếu/GP. ĐKKD số:cấp ngày.....tại:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Số cổ phần hiện đang nắm giữ:CP

Xin xác nhận tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Tổng Công ty Đức Giang vào ngày 20/4/2023 tại Số 59 phố Đức Giang, Long Biên, Hà Nội.

Xin trân trọng cảm ơn!

CÓ ĐÔNG

(Ký và ghi rõ họ tên)

TỔNG CÔNG TY ĐỨC GIANG
CÔNG TY CỔ PHẦN



DUGARCO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY ỦY QUYỀN
THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023**

Tên tôi là:; số CP nắm giữ:.....CP

Địa chỉ :

Số CCCD :ngày cấp.....nơi cấp:

Điện thoại :FaxEmail

Do không có điều kiện tham gia trực tiếp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Tổng công ty Đức Giang, nay tôi.

ĐỒNG Ý ỦY QUYỀN CHO:

Ông (bà) :

Địa chỉ :

Số CCCD:ngày cấp.....nơi cấp:

Điện thoại:FaxEmail

Thay mặt tôi tham dự và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Tổng công ty Đức Giang, với tư cách là đại diện cho tất cả các số cổ phần mà tôi đang sở hữu.

Ông (bà).....có nghĩa vụ thực hiện đúng nội dung quy chế làm việc của Đại hội, không được ủy quyền lại cho người khác và có trách nhiệm thông báo lại kết quả Đại hội cho người ủy quyền.

Giấy ủy quyền này chỉ có hiệu lực tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Tổng công ty Đức Giang, được lập thành 2 bản, mỗi bên giữ một bản và có giá trị pháp lý như nhau./.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
(Ký & ghi rõ họ tên)

NGƯỜI ỦY QUYỀN
(Ký & ghi rõ họ tên)

Hà Nội, ngày 20 tháng 4 năm 2023

QUY CHẾ LÀM VIỆC
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
TỔNG CÔNG TY ĐỨC GIANG - CTCP

Mục tiêu:

- Đảm bảo nguyên tắc công khai, công bằng và dân chủ;
- Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức và tiến hành Đại hội đồng cổ đông.

Quy chế này quy định trật tự Đại hội, thể thức thực hiện quyền của cổ đông, trách nhiệm của Đoàn Chủ tịch, Thư ký, Ban Kiểm phiếu và những vấn đề có liên quan.

I- TRẬT TỰ CỦA ĐẠI HỘI:

Cổ đông dự Đại hội:

1. Ngồi vào vị trí theo sự hướng dẫn của Ban tổ chức Đại hội
2. Không hút thuốc lá trong phòng Đại hội.
3. Không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong lúc diễn ra Đại hội. Tất cả các máy điện thoại di động tắt hoặc không để chế độ chuông trong suốt thời gian diễn ra Đại hội.
4. Giữ gìn trật tự cho đến khi kết thúc Đại hội.

II- BIỂU QUYẾT THÔNG QUA CÁC VẤN ĐỀ TẠI ĐẠI HỘI:

1. Nguyên tắc:

- Việc thông qua Quy chế làm việc của Đại hội, Đoàn Chủ tịch, Chương trình Đại hội, bầu Ban Kiểm phiếu, thông qua biên bản làm việc của Đại hội được biểu quyết theo nguyên tắc đa số thành viên tham dự đại hội tán thành, bằng phương thức giơ tay biểu quyết.

- Các vấn đề quan trọng khác là nội dung chính của chương trình Đại hội được thông qua bằng phương thức bỏ phiếu biểu quyết. Mỗi cổ đông được cấp một Thẻ biểu quyết, trong đó ghi tên cổ đông, mã số cổ đông, số phiếu biểu quyết của cổ đông và đóng dấu treo của Tổng công ty Đức Giang. Mỗi cổ phần phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết. Mỗi cổ phần ưu đãi biểu quyết tương ứng với 3 phiếu biểu quyết.

2. Việc thông qua Quyết định của Đại hội đồng cổ đông bằng phương thức bỏ phiếu biểu quyết.

Theo qui định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty, các quyết định được thông qua tại Đại hội cổ đông năm 2023 khi được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.

III- PHÁT BIỂU Ý KIẾN TẠI ĐẠI HỘI:

1. Nguyên tắc: Cổ đông tham dự Đại hội muốn phát biểu ý kiến thảo luận phải đăng ký phát biểu và được sự đồng ý của Chủ tọa.
2. Cách thức phát biểu: Cổ đông phát biểu ngắn gọn và tập trung vào những nội dung trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình nghị sự của Đại hội đã được thông qua. Chủ tọa sẽ sắp xếp cho cổ đông phát biểu theo thứ tự đăng ký, đồng thời giải đáp các thắc mắc của cổ đông.

IV- TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỌA:

1. Điều khiển đại hội theo đúng nội dung chương trình nghị sự, qui chế đã được Đại hội thông qua.
2. Hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình nghị sự của Đại hội và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình Đại hội.

V- TRÁCH NHIỆM CỦA BAN THƯ KÝ:

1. Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến đại hội và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý tại Đại hội.
2. Soạn thảo Biên bản họp Đại hội và Nghị quyết Đại hội về các vấn đề đã được thông qua tại Đại hội.

VI- BIÊN BẢN VÀ NGHỊ QUYẾT HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG:

1. Tất cả các nội dung tại Đại hội cổ đông phải được Thư ký Đại hội ghi vào Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.
2. Những nội dung thuộc chương trình Đại hội đã được đại hội biểu quyết thông qua phải được phản ánh trong Nghị quyết của Đại hội.
3. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được đọc và thông qua tại Đại hội.

VII. HIỆU LỰC CỦA QUY CHẾ:

Quy chế này được các cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 được tổ chức ngày 20/4/2023 thông qua và có hiệu lực cho phiên họp Đại hội cùng ngày.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hoàng Vệ Dũng

**CHƯƠNG TRÌNH LÀM VIỆC
CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023**

THỜI GIAN	NỘI DUNG	NGƯỜI THỰC HIỆN
7 ^h 30 - 8 ^h 00	Tiếp đón đại biểu (kiểm tra tư cách cổ đông).	Ban tổ chức
8 ^h 00 - 8 ^h 10	Khai mạc: Chào cờ, tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu.	Đ/c Đạt CVP
	- Ban tổ chức thông qua chương trình Đại hội	Đ/c Đạt CVP
	- Ban tổ chức kính mời ông Hoàng Vệ Dũng - Chủ tịch HĐQT lên làm chủ tọa Đại hội	Đ/c Đạt CVP
8 ^h 10 - 8 ^h 15	Chủ tọa giới thiệu: - Thành viên Ban chủ tọa, - Thư ký đại hội, - Ban kiểm tra tư cách cổ đông	Đ/c Dũng CT HĐQT
8 ^h 15 - 8 ^h 20	Báo cáo của ban kiểm tra tư cách cổ đông	Ban k/tra tư cách CD (trưởng ban)
8 ^h 20 - 8 ^h 25	Thông qua Quy chế làm việc của ĐHĐCĐ thường niên 2023	Đ/c Huyền Thư ký
8 ^h 25 - 8 ^h 40	Báo cáo của TGD về kết quả SXKD năm 2022 và nhiệm vụ SXKD năm 2023	Đ/c Lâm TGD
8 ^h 40 - 9 ^h 00	Báo cáo của HĐQT về đánh giá tình hình thực hiện năm 2022 và nhiệm vụ, kế hoạch hoạt động của HĐQT năm 2023	Đ/c Dũng CT HĐQT
9 ^h 00 - 9 ^h 10	Báo cáo hoạt động của ban kiểm soát năm 2022	Đ/c Oanh -TBKS
9 ^h 10 - 9 ^h 20	Các CD phát biểu ý kiến (đã đăng ký trước với Ban tổ chức)	Đ/c Dũng CT
9 ^h 20 - 9 ^h 30	Hội đồng quản trị đọc tờ trình trước đại hội: 1. Các chỉ tiêu thực hiện kế hoạch năm 2022 và kế hoạch 2023. 2. P/án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và chia cổ tức 2022. 3. Thông qua báo cáo quyết toán tài chính 2022. 4. Thông qua đơn vị Kiểm toán BCTC năm 2023.	Đ/c Tùng UVHĐQT PTGDĐT
9 ^h 30 - 9 ^h 40	CT đoàn lấy ý kiến các cổ đông: 1. Các chỉ tiêu thực hiện kế hoạch năm 2022 và kế hoạch 2023. 2. P/án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và chia cổ tức 2022. 3. Thông qua báo cáo quyết toán tài chính 2022. 4. Thông qua đơn vị Kiểm toán BCTC năm 2023.	Đ/c Dũng CT HĐQT
9 ^h 40 - 9 ^h 50	Lãnh đạo Tập đoàn dệt may VN phát biểu chỉ đạo ĐH	Lãnh đạo Vinatex
9 ^h 50 - 10 ^h 00	Chủ tịch HĐQT TCT phát biểu đáp từ	Đ/c Dũng CT
10 ^h 00 - 10 ^h 10	Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội; CT đoàn lấy ý kiến biểu quyết	Đ/c Huyền Thư ký và CT đoàn
10 ^h 10 - 10 ^h 15	Bế mạc Đại hội cổ đông	Đ/c Đạt CVP

Trưởng ban tổ chức ĐHĐCĐ

Chủ tịch HĐQT

Hoàng Vệ Dũng

Hà Nội, ngày 20 tháng 4 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022
NHIỆM VỤ SXKD NĂM 2023

PHẦN THỨ NHẤT: KẾT QUẢ SXKD NĂM 2022

- Trong Quý 1, đặc biệt từ nửa cuối tháng 2/2022 dịch Covid19 lan rộng gây thiếu hụt LĐ trầm trọng, có nơi có lúc lên đến 60% LĐ nghỉ việc; giá cả tăng cao đối với nguyên phụ liệu, vận chuyển logistic, chuỗi cung ứng tiếp tục đứt gãy.
- HĐQT đã thường xuyên sát sao, phân tích cập nhật tình hình và đưa ra những chỉ đạo kịp thời xử lý các khó khăn phát sinh trong năm.

Kiên định với khẩu hiệu *Khác biệt để bứt phá*, toàn TCT và các đơn vị thành viên đã phấn đấu tối đa để khắc phục khó khăn, thực hiện cao nhất KH năm 2022.

Thực hiện một số chỉ tiêu chính năm 2022 như sau:

Các chỉ tiêu chính	ĐVT	TH 2022	TH 2021	SS KH (%)	SS CK (%)	Tỷ trọng
Tổng kim ngạch XK	Tr USD	95,2	81,7	112	117	
ODM	Tr USD	4,6	6,9	51	67	5%
FOB	Tr USD	74,5	60,3	122	123	78%
CM	Tr USD	16,1	14,5	105	111	17%

Các chỉ tiêu chính	ĐVT	TH 2022	TH 2021	SS KH (%)	SS CK (%)	Tỷ trọng
Tổng doanh thu	Tỷ đồng	2.788	2.440	108	114	
Doanh thu XK	Tỷ đồng	2.209	1.865	113	118	80%
DT nội địa	Tỷ đồng	553	539	92	103	20%
+ TIDG	Tỷ đồng	344	352	89	98	
+ FIDG	Tỷ đồng	209	186	97	112	
Lợi nhuận	Tỷ đồng	30	27	100	111	

Phân tích kết quả SXKD:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021	TH 2022	So sánh (2022 -2021)	So sánh (2022/2021)
1	Doanh thu	Tỷ đ	1.916,2	1.977,2	60,9	103%
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	Tỷ đ	2,6	0,1	(2,5)	3%
3	DT thuần về BH và cung cấp DV	Tỷ đ	1.913,7	1.977,1	63,4	103%
4	Giá vốn hàng bán	Tỷ đ	1.662,3	1.775,5	113,2	107%

5	Doanh thu hoạt động tài chính	Tỷ đ	29,1	40,6	11,5	139%
6	Chi phí tài chính	Tỷ đ	13,8	35,8	22,1	260%
	Tr/đó: Chi phí lãi vay	Tỷ đ	3,8	5,3	1,5	141%
7	Chi phí bán hàng	Tỷ đ	131,0	63,0	(68)	48%
8	Chi phí QLDN	Tỷ đ	109,1	114,1	5,0	105%
9	Thu nhập khác	Tỷ đ	0,6	0,8	0,2	141%
10	Chi phí khác	Tỷ đ	-	0,0	0,0	
11	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đ	27,1	30,1	3,0	111%
12	Chi phí thuế TNDN	Tỷ đ	3,6	5,1	1,5	143%
13	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đ	23,6	25,0	1,4	106%

Một số yếu tố chính ảnh hưởng đến hiệu quả SXKD năm 2022:

- Doanh thu thuần tăng 63 tỷ, tăng 3% so với 2021 (trong đó DTXK tăng 10% = 157 tỷ, DTND giảm 11% = 94.4 tỷ).
- Chi phí tiền lương tăng 14 tỷ, tăng 16% so với 2021 để ổn định và duy trì bộ máy.
- Chi phí QLDN (không tính KH và tiền lương) tăng 6,7 tỷ, tăng 22% so với 2021 do trích lập dự phòng quỹ tiền lương tăng 5.3 tỷ và một số chi phí tăng giảm khác.
- Chi phí lãi vay tăng 1.5 tỷ, tăng 41 % so với năm 2021 do Ngân hàng liên tục điều chỉnh tăng LS cho vay từ 1.6% lên 4.5%/năm (USD).
- Chênh lệch tỷ giá: Lãi 2.7 tỷ do tỷ giá điều chỉnh tăng.
- Chi phí bán hàng (không tính KH và tiền lương) giảm 31% ~ 74 tỷ do TCT thay đổi cách hạch toán phí dịch vụ cho TIDG và FIDG.
- Lợi nhuận 30 tỷ tăng 11% so với năm 2021.

1- Lĩnh vực Marketing, XTTM:

- Đ/c Chủ tịch HĐQT chủ trì họp XTTM hàng tuần, đưa ra các quyết định nhanh.
- Dugarco Studio có sự khác biệt và đột phá; phối hợp giữa thiết kế - sourcing – marketing – TT R&D đã cho ra được các thiết kế sáng tạo, mẫu 3D... tạo sự khác biệt, từng bước tăng giá trị của Đức Giang.
- MKT online lớp thứ nhất được tổ chức bài bản. Các clip, bài post giới thiệu năng lực thiết kế, sourcing, SX đã giúp nhiều khách hàng biết đến Đức Giang; Xúc tiến khách mới Ted Baker và được nhiều KH quan tâm (GW, Luenthai, The Mark 2...) thông qua MKT 3 lớp.
- Phối hợp chặt chẽ ODM – XNK – Đại diện Nga nên năm 2022 đã bảo toàn được vốn và vận chuyển thông suốt đối với thị trường Nga.

Một số hạn chế:

- MKT online còn mới, BH&ODM chưa có nhiều kinh nghiệm, thiếu nhân sự nên MKT còn chậm, bị động, tỷ lệ chuyển đổi khách hàng từ quan tâm đến đặt hàng thấp.
- Nguồn sourcing ODM chưa được phong phú, chưa tham gia được vào chuỗi cung ứng của khách hàng.

Thực hiện Kim ngạch XK theo khách hàng:

TT	Năm 2021		
	Khách hàng	Trị giá (usd)	Tỷ trọng
	Tổng	81.707.017	
1	ODM	6.857.405	8%
2	ĐH	13.964.683	17%
3	KUHL	11.572.176	14%
4	LEVY	10.793.347	13%
5	TEX	8.564.368	10%
6	GW	5.352.396	7%
7	MK	3.995.699	5%
8	HOJEON	3.092.327	4%
9	ASMARA	3.306.494	4%
10	ITOCHU	2.402.590	3%
11	NEW M	2.230.910	3%
12	DUCKYANG	1.250.504	2%
13	Khách khác	8.324.117	10%

Năm 2022		
Khách hàng	Trị giá (usd)	Tỷ trọng
Tổng	95.228.226	
ODM	4.597.366	5%
ĐH	24.561.846	26%
KUHL	18.183.155	19%
TEX	8.974.182	9%
GW	5.897.023	6%
ASMARA	5.828.513	6%
LEVY	4.766.922	5%
MK	3.886.713	4%
ITOCHU	3.760.247	4%
HOJEON	2.708.470	3%
NEW M	2.011.563	2%
TORAY	1.932.412	2%
Khách khác	8.119.814	9%

Chủ động năng lực SX Jacket trong hệ thống, giảm tỉ trọng Vệ tinh

TT	Khách hàng	Số lượng Sản xuất 2021				Số lượng kế hoạch 2022					
		Tổng	Trong hệ thống		Vệ tinh		Tổng	Trong hệ thống		Vệ tinh	
			Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ		Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ
	TỔNG	2.456.484	1.310.040	53%	1.146.444	47%	1,819,648	1,314,047	72%	505,601	28%
	Jacket ODM	428.489	121.863	28%	306.626	72%	281,746	135,318	48%	146,428	52%
	Jacket FOB/CM	2.027.995	1.188.177	59%	839.818	41%	1,537,902	1,178,729	77%	359,173	23%

2- Lĩnh vực Sourcing:

Chủng loại \ Năm	2021	2022	2022/2021
CÁC LOẠI VẢI (m)	1.803.284	2.417.561	134%

Chủng loại	NCC Nước ngoài		NCC Việt Nam		Tổng
	Cũ	Mới	Cũ	Mới	
Nguyên liệu	22	4	7	8	41 (tăng 12)
Phụ liệu	5		17		22
Tổng cộng					63

- Chưa chủ động nguồn vải cho XK, ngoài TT Nga thì đa số là vải cho XK là chỉ định.
- Nguồn lực Sourcing rất mỏng nên chưa xây dựng, quản lý các chuỗi cung ứng, chưa đi đến các nhà máy để tìm và phát triển vải đáp ứng yêu cầu XK và Nội địa.
- Chưa kiểm soát được chất lượng NPL trước khi đưa vào sản xuất.

3- Lĩnh vực kế hoạch và XNK:

- Thị trường diễn biến nhanh, phức tạp, nhu cầu các khách hàng không theo chu kỳ trước đây; TCT chốt đơn hàng sớm, quy hoạch khách hàng cụ thể cho từng đơn vị SX tạo điều kiện cho đơn vị nâng cao hiệu quả.
- Phân bổ đơn hàng cho đơn vị trên cơ sở xác định năng suất, doanh thu, giao hàng cụ thể. Phối hợp KHTT – TT1 – QLCL cải thiện rõ và đã thúc đẩy SX, đảm bảo giao hàng.
- Thực hiện tốt logistic NPL từ TQ (chính sách Zero Covid) đảm bảo SX liên tục; Tìm thêm forwarder cạnh tranh; Tiết kiệm chi phí Logistic 407tr đồng (thuê xe con't 186tr, xe 2 chiều 221tr) trong điều kiện khi cước vận chuyển NPL tăng, giá diesel tăng đến 152%.

4- Kinh doanh nội địa:

TT	Diễn giải	Tổng nội địa	TIDG				FIDG			
			TH 2022	SS KH (%)	SS CK (%)	Tỉ trọng (%)	TH 2022	SS KH (%)	SS CK (%)	Tỉ trọng (%)
	Cộng	553	344	89	98		209	97	112	
1	DT Đồng phục	444	276	79	89	92%	168	99	103	80%
2	DT Thời trang	64	23	90	146	8%	41	89	173	20%
	Thời trang Nữ	36	12	107	141		24	104	153	
	Thời trang Nam	28	11	76	153		17	74	209	
3	DT khác	45	45	424	177					

4.1/ TIDG:

- KD thời trang đã được quan tâm và tập trung nguồn lực cho cả TT Nam và TT Nữ. Đẩy mạnh DT hàng TT 6T cuối năm chiếm 63% tổng DT hàng TT.
- KD đồng phục duy trì được các khách hàng lớn, nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ, giảm tỷ lệ hàng sửa.
- Doanh thu và phát triển đại lý còn kém; TT Nữ chưa có người phụ trách giỏi, thiếu Marketing nên phải sử dụng Agency với chi phí cao nhưng hiệu quả thấp.

4.2/ FIDG:

- KD thời trang tăng trưởng mạnh về doanh thu HeraDG gấp 1,5 lần, DGC gấp 2 lần so với 2021; truyền thông mạnh về thương hiệu thời trang xanh HeraDG và DGC; khai thác nguyên liệu thân thiện môi trường như vải hầu, recycle.
- KD đồng phục duy trì được các khách hàng lớn truyền thống; phát triển SP mới áo polo.
- Nhiều đơn hàng giao chậm ảnh hưởng tới DT; phát triển NPL phụ thuộc vào Sourcing TCT, nhân sự biến động; chưa mở thêm được điểm bán mới ở nội thành Hà Nội.

5- Khối Sản xuất:

TT	Đơn vị	Lương BQ (VND)	SS KH %	SS CK %	Ns Cty (\$/cg)	SS CK %	Ns SX (\$/cg)	SS KH %	SS CK %	Doanh thu (usd)	SS KH %	SS CK %	Tăng giảm LĐ		
													2021	2022	SS
	TỔNG	8.033.545	105	116	22,9	125	26,7	109	124	35.576.065	104	124	(373)	266	639
1	Đức Hạnh	9.833.339	109	121	26,6	136	29,7	116	124	6.236.641	113	146	33	105	72
2	Đô Lương	7.076.750	100	101	21,1	115	23,1	104	118	5.263.179	102	128	78	266	188
3	MĐG	9.019.673	107	122	25,0	123	29,0	104	124	7.188.285	97	111	(90)	(84)	6

TT	Đơn vị	Lương BQ (VNĐ)	SS KH %	SS CK %	Ns Cty (\$/cg)	SS CK %	Ns SX (\$/cg)	SS KH %	SS CK %	Doanh thu (usd)	SS KH %	SS CK %	Tăng giảm LĐ		
													2021	2022	SS
4	VT1	8.054.262	102	120	25,0	125	32,3	114	131	1.147.646	99	128	(31)	(12)	19
5	VT2	7.946.626	99	110	22,2	124	26,7	117	124	2.843.073	110	124	(20)	0	20
6	Lạc Thủy	7.485.015	107	128	20,2	147	22,8	118	148	2.736.959	108	148	(55)	5	60
7	HDF	7.954.955	106	129	23,3	141	26,3	116	143	3.700.232	106	127	(159)	20	179
8	HN1	7.870.004	112	115	22,0	122	27,0	105	121	1.558.295	108	120	(43)	(16)	27
9	HN2	7.702.561	107	117	23,1	112	26,4	107	112	3.498.515	103	105	(63)	(15)	48
10	TH	7.201.113	100	108	20,3	112	23,6	93	108	1.403.240	96	108	(24)	(3)	21
11	MTT 1.000đ	8.224.696	103	109	15,0	117	15,0	75	117	4.352.810	71	113	1	0	(1)
12	WIDG	13.363.049	118	139						989.377	132	187	4	3	(1)

THỰC HIỆN KHÁC BIỆT ĐỂ BỨT PHÁ CỦA KHỐI SẢN XUẤT:

1/ Hiệu quả SXKD:

- Doanh thu khối SX đạt 35,6 triệu USD tăng 4% KH và 24% cùng kỳ. NS tăng 9% KH và 24% cùng kỳ thể hiện cố gắng rất lớn của khối SX.
- Hiệu quả SXKD 2022 tốt hơn so với 2021 như Đức Hạnh tăng 41%, MĐG tăng 233%, VT2 tăng 20%, Hưng Nhân 1 tăng 124%; Một số đơn vị vượt qua khó khăn và có lãi như Lạc Thủy, HDF, Việt Thanh.

2/ Tiền lương và lao động:

- Điều chỉnh cơ chế lương, tiền lương bình quân của hệ thống tăng 16% so với cùng kỳ.
- Mức thu nhập của người lao động tăng lên, đáp ứng được với mặt bằng, giữ chân người lao động. Toàn hệ thống tăng 266 LĐ (2021 giảm 373 LĐ).

3/ Phát triển năng lực, tái cơ cấu sản xuất:

- Xây mới xưởng Jacket tại Đô Lương, tăng chuyên tại Đức Hạnh và HDF.
- Sắp xếp lại SX gọn và hiệu quả: sáp nhập M1 về M9 tại MĐG, sắp xếp lại tại VT1 và HN1.

4/ Đầu tư MMTB theo chiều sâu:

- Đầu tư MMTB hiện đại trị giá 48 tỷ đạt 121% KH và 151% cùng kỳ; điển hình là Xưởng Jacket mới tại Đô Lương, Máy lập trình 360 độ, cắt mẫu tự động.
- Sáng kiến cải tiến:

TT	ĐƠN VỊ	Năm 2022		Năm 2021	
		Sáng kiến, cải tiến	Số tiền làm lợi (VNĐ)	Sáng kiến, cải tiến	Số tiền làm lợi (VNĐ)
TỔNG		223	2.064.097.681	202	1.373.259.776
1	ĐL (bán tự động)	3	479.000.000	4	484.000.000
		19	104.203.281	26	144.000.000
2	MĐG	96	389.098.444	117	289.957.937
3	TB2	30	381.107.909	17	184.724.867
4	HDF	16	358.770.970	5	103.634.129
5	VT1	20	157.693.150	15	59.444.950
6	TB1	10	54.308.335	7	20.049.522

TT	ĐƠN VỊ	Năm 2022		Năm 2021	
		Sáng kiến, cải tiến	Số tiền làm lợi (VNĐ)	Sáng kiến, cải tiến	Số tiền làm lợi (VNĐ)
7	VT2	14	52.946.790	3	26.148.980
8	LT	9	30.412.553	1	2.393.963
9	ĐH	6	56.556.250	7	58.905.429

5/ Các trung tâm R&D hoạt động hiệu quả hơn:

- Các trung tâm R&D thiết kế phát triển mẫu nhiều và nhanh hơn đáp ứng cho BH&ODM, KHTT, các chương trình đồng phục lớn.

Đơn vị	Tổng	SS 2021	Jacket	Sơmi	Quần/váy	Veston	Khác
	5.705	109%					
TT R&D 1	3.140	103%	2,376	348	20		595
TT R&D 2	1.379	102%		528	605	235	
TT R&D 3	568	126%	12	174	341	41	
TT R&D 4	618	134%	65	218	285	50	

- Các TT 2,3,4 chủ động vận hành **Phần mềm may đo đồng phục** đảm bảo tính chính xác cao và rút ngắn thời gian.

6/ Phối hợp giữa TT1, QLCL và KHTT tốt hơn nên triển khai SX nhanh hơn; đánh giá Vệ tinh đủ năng lực mới SX nên đã kiểm soát tốt chất lượng và giao hàng. Số tiền khách hàng khiếu nại chỉ bằng 21% năm 2021.

Một số hạn chế:

- Thực hiện chưa tốt khâu CBSX, thời gian dài chuyền dài, lúng túng và thiếu quyết tâm khi chuyển đổi khách hàng/đơn hàng như tại Việt Thanh, Lạc Thủy.
- Duy trì và thực hiện hệ thống kiểm soát chất lượng chưa tốt dẫn đến năng suất thấp như Việt Thanh.
- Lĩnh vực nghiên cứu phát triển tại TT1 chưa rõ nét, chưa theo kịp tình hình do chưa có chức năng nhiệm vụ cụ thể.

6- Công tác quản trị, nhân lực và đào tạo:

- Nhìn chung bộ máy có nhiều cố gắng, hoạt động rất tích cực thể hiện ở công suất và hiệu quả công việc; đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ.
- Một số thủ trưởng đơn vị thành viên như Lạc Thủy, HDF đã chủ động hơn, không còn ỷ lại vào TCT.
- Triển khai số hóa 2 phần mềm mang lại hiệu quả tốt: **Phần mềm may đo đồng phục, phần mềm phân tích giây giờ.**
- Công tác đào tạo tập trung trong Quý 4 với 3 khóa đào tạo là tiếng Anh chuyên ngành, Nghiệp vụ Merchandise, Vật liệu dệt.

PHẦN THỨ HAI: KẾ HOẠCH 2023 MỤC TIÊU VÀ GIẢI PHÁP

1/ Tình hình chung:

- Lạm phát cao dẫn đến giảm chi tiêu rất mạnh tại các TT chính. Dự báo tăng trưởng KT TG 2023 ở mức 2.9% (2022 là 3.4%). TT thách thức và cạnh tranh mạnh hơn so với 2022.
- Nhiều nước phát triển khởi động Zero-carbon, đẩy mạnh đầu tư SX xanh, phát triển bền vững. Bên cạnh đó, các nước đang đẩy nhanh chuyển đổi số, tự động hóa, chuyển từ chuyên môn hóa sang thích ứng nhanh và đa dạng hóa sản phẩm.
- VN dự báo tăng trưởng GDP 2023 là 6.2%. Tuy nhiên áp lực từ lãi suất, giá năng lượng tăng cao, doanh nghiệp phải đối mặt với chi phí đầu vào tăng mạnh làm giảm hiệu quả SXKD so với 2022.
- Dự báo XK D-M tiếp tục khó khăn ít nhất đến hết Q3/2023, cầu D-M yếu trong khi phải cạnh tranh gay gắt với TQ (mở cửa sau Covid), Bangladesh và Ấn Độ.
- Khách hàng truyền thống của ĐG thông tin về khó khăn của TT 2023 như Hàng tồn kho nhiều, nhu cầu mua hàng giảm, chi phí mua hàng tăng, yêu cầu giảm giá FOB rất mạnh.

HQQT định hướng cho năm 2023 là **CÔNG NGHỆ XANH - THỊ TRƯỜNG MẠNH**, tập trung vào 2 trọng tâm:

✓ Về Công nghệ xanh:

Hiểu là quan tâm đến áp dụng CN số và đổi mới công nghệ trong các lĩnh vực từ MKT, XTTM, thiết kế, sản xuất đến công tác kế hoạch, quản trị KD và bán hàng; Quan tâm phát triển NPL và công nghệ may theo hướng xanh sạch, tái tạo và bảo vệ môi trường.

✓ Về Thị trường mạnh:

Hiểu là cách mình tiếp cận thị trường, mở rộng thị trường, linh hoạt trong MKT và SX theo xu thế thị trường, lấy thị trường làm gốc khi xây dựng KH SXKD. Thị trường cũng là cách ĐG phát triển ODM và KDND trong 2023 và những năm tới trên cơ sở luôn đánh giá và phân tích diễn biến thị trường để tìm được cách đi khác biệt cho mình, vượt qua cạnh tranh và đạt được mục tiêu đề ra.

2/ Kế hoạch 2023 một số chỉ tiêu chính:

Các chỉ tiêu chính	Đ/vị	KH 2023	2022	SS CK %	Tỷ trọng
Kim ngạch XK	Tr USD	97,1	95,2	102%	
ODM	Tr USD	8,7	4,6	190%	9%
FOB	Tr USD	73,7	74,5	99%	76%
CM	Tr USD	14,7	16,1	91%	15%

Các chỉ tiêu chính	Đ/vị	KH 2023	2022	SS CK %	Tỷ trọng
Tổng doanh thu	Tỷ đ	2.929	2.788	105%	
Doanh thu XK	Tỷ đ	2.372	2.209	107%	81%
KD Nội địa	Tỷ đ	543	553	98%	19%
TIDG	Tỷ đ	309	344	90%	

Các chỉ tiêu chính	Đ/vị	KH 2023	2022	SS CK %	Tỷ trọng
FIDG	Tỷ đ	233	209	112%	
Lợi nhuận	Tỷ đ	25	30	83%	

3/ Một số giải pháp trọng tâm để thực hiện kế hoạch 2023.

3.1- Lĩnh vực marketing và XTTM:

- *Củng cố, nâng cấp MKT 3 lớp và ODM*; Phát huy những nội dung đã đạt được trong năm 2022, giữ vững vai trò trung tâm của MKT, ODM.
- *Cắt giảm chi phí để nhận tối đa, tranh thủ chốt nhanh và tối đa đơn hàng*, kiên trì xúc tiến các khách hàng mới và đa dạng hóa thị trường.
 - + *Xúc tiến tăng Jacket* đảm bảo cho năng lực của M3 Đô Lương (Boss, Barbour, MOP) và thay thế lượng quần thiếu hụt của Lạc Thủy (3 chuyên chuyển đổi sang jacket GW, ODM).
 - + *Xúc tiến tăng Somi* cho Du Long và bù cho lượng dệt kim thiếu hụt của HDF.

TT	Năm 2022			Năm 2023		
	Khách hàng	Trị giá (usd)	Tỷ trọng	Khách hàng	Trị giá (usd)	Tỷ trọng
	Tổng	95.228.226		Tổng	97.119.987	
1	ODM	4.597.366	5%	ODM	8.745.083	9%
2	ĐH	24.561.846	26%	ĐH	26.360.000	27%
3	KUHL	18.183.155	19%	KUHL	13.941.188	14%
4	TEX	8.974.182	9%	TEX	11.376.000	12%
5	GW	5.897.023	6%	TORAY	5.424.000	6%
6	ASMARA	5.828.513	6%	ASMARA	4.000.000	4%
7	LEVY	4.766.922	5%	MK	3.700.000	4%
8	MK	3.886.713	4%	LEVY	3.375.000	3%
9	ITOCHU	3.760.247	4%	GW	2.996.400	3%
10	Hojeon	2.708.470	3%	Hojeon (TNF)	2.831.241	3%
11	NEW M	2.011.563	2%	ITOCHU	2.736.000	3%
12	TORAY	1.932.412	2%	SEIDEN	2.080.000	2%
13	Khách khác	8.119.814	9%	Khách khác	9.555.075	10%

3.2- Lĩnh vực kế hoạch - XNK:

Tiếp tục chủ động năng lực SX trong hệ thống

TT	Khách hàng	Số lượng Sản xuất 2022					Số lượng kế hoạch 2023				
		Tổng	Trong hệ thống		Vệ tinh		Tổng	Trong hệ thống		Vệ tinh	
			Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ		Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ
	TỔNG	1.819.648	1.314.047	72%	505.601	28%	2.085.567	1.538.598	74%	546.969	26%
	Jacket ODM	281.746	135.318	48%	146.428	52%	649.279	389.567	60%	259.712	40%
	Jacket FOB/CM	1.537.902	1.178.729	77%	359.173	23%	1.436.288	1.149.030	80%	287.258	20%

- Bố trí năng lực SX linh hoạt Jkt – Quần; Sơ mi – Dệt kim; đảm bảo nguồn hàng cho Du Long, Jacket Đô Lương.
- Nâng cao KHSX hàng Nội địa: Tăng cường CB chuyên sâu cho hàng TT và hàng ĐP. Nâng cao nghiệp vụ đặt hàng, cân đối NPL hàng TT, kiểm soát chất lượng NPL trước khi SX.
- Tìm cách cắt giảm tối đa các chi phí NPL, bổ sung năng lực dự phòng nhà thầu phụ (chần bông, in, thêu, giặt) đảm bảo cung ứng NPL kịp thời, hiệu quả cho KHSX.
- Tăng cường quan hệ hợp tác với các đơn vị Logistic để linh hoạt xử lý các tình huống, tiết kiệm chi phí. Ưu tiên nguồn lực và các thủ tục logistic khi nhà máy Du Long đi vào hoạt động. Tiết kiệm chi phí XNK và vận chuyển nội địa 500 triệu đồng.

3.3- Lĩnh vực Sourcing:

	KH 2023	2022	2023/2022
SL VẢI (m)	3.500.000	2.417.561	144%

- Triển khai MOU đã ký với Bảo Minh, DLNĐ để dần chủ động nguồn cung vải cho XK và nội địa; Tập trung phát triển vải ưu tiên các NCC trong nước. Phát triển vải dệt kim, sơmi, jacket tận dụng các hiệp định FTA; Phát triển các chủng loại NPL mà khách hàng sử dụng lặp đi lặp lại hàng năm. Làm việc với các khách hàng có thông tin sớm về nhu cầu NPL, đến lúc phát triển mẫu phải đưa ra được phương án NPL của ĐG để chào.
- Tiếp tục đào tạo NV Sourcing hiểu sâu về vật liệu may, quy trình SX vải, kỹ năng đàm phán.

3.4- Phát triển KD nội địa tập trung vào hàng Thời trang:

ĐVT: tỷ đồng

TT	Diễn giải	Tổng nội địa	TIDG			FIDG		
			KH 2023	SS CK %	Tỉ trọng %	KH 2023	SS CK %	Tỉ trọng %
	Cộng	543	309	90		233	112	
1	DT Đồng phục	412	237	86	80%	176	105	76%
2	DT Thời trang	115	58	251	20%	58	140	24%
	- Thời trang Nữ	46	17	141		29	118	
	- Thời trang Nam	70	40	377		29	172	
3	DT khác	15	15	33				

Hàng thời trang nội địa tăng mạnh hỗ trợ hàng XK:

Chủng loại	Sản lượng 2022	KH 2023	So sánh
Tổng	880.971	1.247.060	142%
Đồng phục	692.287 ~ 79%	725.396 ~ 58%	105%
Thời trang	188.684 ~ 21%	521.664 ~ 42%	276%
Thời trang Nữ	89.688	112.000	125%
Thời trang Nam	98.996	409.664	414%

Các đơn vị trong hệ thống đóng vai trò chủ đạo trong SX hàng nội địa.

TT	Đơn vị	SL 2022 (ch)	KH 2023	Số sánh
	Tổng	880,971	1,247,060	142%
I	ĐV trong hệ thống	485,873	873,556 ~ 70%	180%
II	Vệ tinh	395,098	373,504 ~ 30%	95%

1. TIDG

- Chủ động tìm kiếm, khai thác nguồn nguyên liệu trong nước, phối hợp với Sourcing TCT phát triển các loại vải đặc trưng, thân thiện môi trường.
- Phát triển kênh bán hàng MT (Modern Trade) quy mô lớn, tiếp tục mở rộng kênh bán hàng GT, bán hàng Online, TMĐT.
- Triển khai số hóa: Phát triển trang web mới cùng phần mềm quản lý bán hàng.

2. FIDG

- Lên KHSX với SL Đồng phục tăng từ 223.232sp lên 495.971sp 2023. HeraDG tăng từ 55.553sp lên 71.240sp; DGC tăng từ 83.929sp lên 131.743sp.
- Để đảm bảo nguồn NPL cho lượng hàng sản xuất mới, FIDG chủ động làm việc với các NCC như Bảo Minh, Dệt lụa Nam Định, các NCC nước ngoài, các NCC dệt kim tại TP.HCM để phát triển các loại vải mới theo hướng XANH. Đẩy nhanh may mẫu, duyệt mẫu, ra đơn hàng để kịp cho SX và chủ động chào mẫu sớm tới hệ thống đại lý, siêu thị, nhà phân phối.

3.5- Khối Sản xuất: Tiền lương – Năng suất – Lao động – Doanh thu:

TT	Đơn vị	Lương BQ (VNĐ)	SS CK (%)	Ns Cty (\$/cg)	SS CK (%)	Ns SX (\$/cg)	SS CK (%)	Doanh thu (usd)	SS CK (%)	Tăng LĐ
	TỔNG	8.221.143	103	23,1	103	26,8	102	37.271.998	108	292
1	Đ/Lương	7.655.102	108	21,9	104	23,6	102	6.616.666	126	126
2	Đ/Hạnh	9.504.983	97	24,6	93	27,4	92	6.100.368	98	65
3	MĐG	9.151.492	101	25,1	101	29,0	100	6.899.623	96	(26)
4	L/Thủy	7.600.456	102	20,6	102	23,2	102	2.957.006	108	26
5	HDF	8.200.721	103	23,5	101	26,5	101	3.940.864	107	60
6	HN1	8.002.866	102	22,3	102	27,5	102	1.560.209	100	12
7	HN2	8.016.993	104	24,2	105	27,7	105	3.657.326	105	8
8	TH	7.804.390	108	21,3	105	24,5	104	1.498.678	107	6
9	VT1	8.075.591	100	25,3	101	32,2	100	1.162.790	101	12
10	VT2	8.204.705	103	22,2	100	26,9	101	2.878.468	101	0
11	MTT (1.000đ)	8.215.269	100	19,9	133	19,9	133	6.336.690	146	3
12	WIDG	13.616.667	102					990.224	100	0

Về tiền lương: Khối SX giữ cơ chế tiền lương như thực hiện năm 2022.

- Nâng cao năng lực nghiên cứu phát triển tại TT1 trong tình hình mới; Bổ sung nguồn lực cho nghiên cứu nguyên liệu.
- Các TT R&D khi phát triển đơn hàng cần nghiên cứu kỹ từ khâu thiết kế, may mẫu, làm việc với khách hàng đưa ra các công nghệ và giải pháp tối ưu và chuyển giao cho các đơn vị SX. GD/PGD Phụ trách đơn vị tổ chức nghiên cứu CBSX và tiếp nhận chuyển giao công nghệ từ các trung tâm, hướng dẫn triển khai SX cho các chuyền để rút ngắn thời gian dài chuyền; phối hợp các phòng ban, bộ phận, đơn vị SX để xử lý nhanh, có trách nhiệm khi có phát sinh trong SX.
- GD/PGD đơn vị cần chủ động, mạnh dạn và làm tốt công tác tư tưởng cho CBCNV khi linh hoạt bố trí chuyền SX theo đặc thù đơn hàng tại các thời điểm.
- Trưởng phòng QLCL TCT rà soát, cân đối và đề xuất thêm nhân sự QLCL có kinh nghiệm, có tiếng Anh. Giám sát đánh giá thực hiện hệ thống QLCL tại các đơn vị, đưa ra các chế tài đối với các nhân không tuân thủ; Kiểm soát tốt chất lượng hàng NVC theo văn bản đã ban hành, từ đó nhân rộng áp dụng cho toàn bộ các đơn hàng đồng phục, hàng TT.

3.6 - Đầu tư MMTB:

TT	Đơn vị	Năm 2022		Kế hoạch 2023	
		SL	Trị giá (tỷ đ)	SL	Trị giá (tỷ đồng)
Cộng		519	49,36	585	58,1
1	Đức Giang	33	5,5	50	3,2
2	Hưng Nhân (1+2)	13	1,6	22	2,2
3	Đô Lương M1-SM	47	3,6	12	0,4
	M3 jacket	350	30	69	2,2
4	Việt Thành (1 +2)	1	0,2	6	1,1
5	Lạc Thủy	12	1,8	21	2,5
6	HDF	29	2,6	30	3,5
7	Việt Thanh	3	0,8	2	0,2
8	Đức Hạnh	29	2,8	50	12,2
9	Trung tâm R&D1	1	0,3	3	0,6
10	Hoàng Thành Đô Lương			320	<u>30</u>
11	Phần mềm giây giờ	1	0,16		
12	Phần mềm TK 3D				N/cứu và trình bổ sung

3.7- Giải pháp về quản trị, nhân lực và đào tạo:

- Nghiên cứu quản lý số trong SX *Connect Suite* của LTLabs, đầu tư tại Đức Hạnh; đầu tư phần mềm quản lý bán hàng đối với KD nội địa, quản lý NPL của Sourcing.
- Tuyển dụng đáp ứng yêu cầu công việc tăng lên của các đơn vị như ODM cần thiết kế và MKT, NV Sourcing, các vị trí then chốt của TIDG và FIDG.
- Các đơn vị tổ chức tự đào tạo, đồng thời đăng ký với TCT để tổ chức đào tạo theo các chuyên đề trên cơ sở rút kinh nghiệm các chương trình đào tạo của 2022.

4/ Tóm tắt một số tình hình SXKD Quý I/2023:

1. Thực hiện một số chỉ tiêu chính:

Các chỉ tiêu chính	Đ/vị	Ước Q1	SS KH %	SS CK %
Tổng doanh thu	Tỷ đồng	587,6	98	113
Kim ngạch XK	Tr USD	23,3	102	112
+ FOB	Tr USD	19	102	111
+ ODM	Tr USD	1,6	101	320
+ CM	Tr USD	2,7	101	66
KD Nội địa	Tỷ đồng	41,9	104	111
- TIDG	Tỷ đồng	21,1	94	96
Đồng phục		13,5	102	171
Thời trang		6,8	81	182
+ TT Nữ		3,3	88	150
+ TT Nam		3,5	75	228
DT khác		0,7	122	7
- FIDG	Tỷ đồng	20,9	117	130
Đồng phục		4,6	109	94
Thời trang		16,2	120	145
+ TT Nữ		10	142	161
+ TT Nam		6,2	96	125

2. Tình hình thực hiện một số trọng tâm công việc trong Quý I/2023:

a/ Công tác Marketing và XTTM:

- Sử dụng phần mềm Dugarco Creative **VR Store 1.0**: Đây là phần mềm ứng dụng công nghệ mới (VR, Clo3D) vào TK và mô phỏng showroom trưng bày mẫu ODM tương tác qua kính thực tế ảo VR với mục đích thu hút khách hàng, nâng cao giá trị của TCT ĐG.
- Tích cực XTTM, xác nhận tối đa đơn hàng cho Q1+2/2023.

b/ Công tác kế hoạch:

- Đơn hàng đã nhận đến cuối tháng 5. Theo dõi đơn đốc NS để đảm bảo DT và giao hàng trong điều kiện mặt bằng giá CM 2023 giảm so cùng kỳ.
- Đơn đốc đảm bảo đầu vào cho SX liên tục khi bố trí KHSX linh hoạt hàng XK và ND đối với hàng sơ mi, quần, dệt kim.

c/ Khối Sản xuất

TT	Đơn vị	DT CM Q1 (USD)	SS KH (%)	SS CK (%)
	Cộng	7.981.628	96	106
1	VT2	763.860	117	138
2	HN1	363.361	103	105
3	VT1	252.849	102	100
4	HN2	845.805	100	105
5	TH	328.516	102	96
6	Lạc Thủy	645.255	99	123
7	Đô Lương	1.333.526	95	124
8	MĐG	1.498.033	94	94

TT	Đơn vị	DT CM Q1 (USD)	SS KH (%)	SS CK (%)
9	HDF	799.422	91	108
10	Đức Hạnh	1.151.001	86	90
11	MTT (1000đ)	1.123.262	88	139

DT toàn TCT tăng 8% so CK, đạt 98% KH trong đó: các đơn vị ĐH, HDF, MĐG, MTT mặc dù đã rất cố gắng nhưng doanh thu chỉ đạt từ 90% đến 98% KH do thích ứng chậm với các đơn hàng nội địa SL nhỏ.

d/ Kinh doanh Nội địa:

• **TIDG:**

- Về quản trị: Phân công rõ nhiệm vụ cho BDH, các trưởng phòng, trưởng nhóm; tuyển dụng một số vị trí cho KD TT Nam;
Cùng với TCT xây dựng phương án bảo quản hàng nội địa đảm bảo chất lượng.
- KDTT: Đưa hàng vào AEON (đến 28/2 đưa vào 4.189sp trị giá 560 triệu đ); đàm phán HĐ với LOTTE dự kiến 10/3, làm việc với Mega Market xác định cơ cấu hàng hóa 2023.
- Chuyển đổi số: Xây dựng web bán hàng TT Nam, phần mềm quản trị bán hàng thời trang.
- KD ĐP: Hoàn thành giao hàng đồng phục NVC (17/1).

FIDG:

- Phát triển NPL để tăng SL SX, chủ động tìm thêm các kênh bán hàng mới như hệ thống siêu thị, mở thêm các điểm bán hàng tại Hà Tĩnh, Quảng Bình... tìm các mặt bằng KD mới tại Nguyễn Trãi, Xuân Thủy...
- Làm việc với đơn vị tư vấn để ứng dụng AI vào bán hàng 2D trên web và app bán hàng 3D trên điện thoại.
- Phỏng vấn ứng viên, bổ sung cho các vị trí Cửa hàng trưởng và NVBH 412 NVC, Digital MKT HeraDG, MKT executive DGC.

Trên đây là báo cáo tổng kết SXKD năm 2022, kế hoạch giải pháp thực hiện kế hoạch năm 2023 trình trước ĐHCĐ và một số tình hình Quý I/2023.

Xin trân trọng cảm ơn./.

TỔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Tiến Lâm

Bảng dự kiến phân phối lợi nhuận năm 2022

STT	Chỉ tiêu	Năm 2022
1	Lợi nhuận trước thuế TNDN	30.143.673.299
2	Lợi nhuận không phải tính thuế (cổ tức và LN được chia)	5.233.489.853
3	Các khoản loại trừ khi tính thuế TNDN	561.161.731
4	Thuế TNDN phải nộp	5.138.052.851
5	Lợi nhuận sau thuế	25.005.620.448
6	Lãi chia cho các cổ đông (Cổ tức dự kiến 25%)	22.499.055.000
7	Quỹ khen thưởng, phúc lợi (20% LNST): (7)=(5)x20%	5.001.124.090

* Sử dụng lợi nhuận các năm trước để chi trả cổ tức : 2.494.558.641 đ

Số: 02.2023/TCT-BKS

Hà Nội, ngày 20 tháng 04 năm 2023

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

(Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023)

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 kết quả giám sát hoạt động và tài chính của Tổng công ty Đức Giang – CTCP cho niên độ kết thúc ngày 31/12/2022 với các nội dung chính như sau:

I. Hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2022:

1. Thực hiện kiểm tra, giám sát đối với hoạt động của Tổng công ty:

- Giám sát việc tuân thủ Điều lệ Tổng công ty, Luật doanh nghiệp và các quy định hiện hành của pháp luật trong việc quản lý và điều hành hoạt động SXKD của Tổng công ty.
- Kiểm soát việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ, Nghị quyết HĐQT năm 2022.
- Ban kiểm soát tham gia các cuộc họp của HĐQT, Ban điều hành, hội nghị kế hoạch để nắm bắt tình hình hoạt động kinh doanh, kế hoạch kinh doanh và đầu tư xây dựng của Tổng công ty.
- Xem xét Báo cáo tài chính, chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty thường xuyên và đánh giá ảnh hưởng của các vấn đề trọng yếu được nêu trong báo cáo kiểm toán, đồng thời giám sát việc thực hiện các kiến nghị do cơ quan kiểm toán đưa ra.

2. Đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát :

- Ban Kiểm soát đã thực hiện đúng trách nhiệm giám sát tình hình tài chính của Tổng công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của các thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý của Tổng công ty. Sự phối hợp hoạt động của Ban Kiểm soát với Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc được thực hiện theo quy định của Pháp luật và Điều lệ của Tổng công ty.
- Trong năm Ban kiểm soát đã họp 2 lần để xem xét số liệu của báo cáo tài chính theo các quý; kết quả kinh doanh từng quý, 6 tháng, năm và thống nhất về nội dung cơ bản của báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2023.

3. Thù lao của Ban kiểm soát :

- Trưởng BKS: 7 triệu/ tháng x 12 tháng = 84.000.000đ
- Thành viên BKS: 4 triệu/tháng x 2 thành viên x 12 tháng = 96.000.000đ

II. Kết quả giám sát hoạt động của HĐQT, Ban Tổng giám đốc:

Trong năm 2022 không có thư yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông gửi kiến nghị về Ban Kiểm soát.

1. HĐQT và Ban TGD đã tuân thủ các qui định của Pháp luật trong công tác quản lý, điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty. Các thành viên HĐQT, Ban TGD và các cán bộ quản lý đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao theo các qui định của Luật Doanh nghiệp, Luật kế toán, Điều lệ Tổng công ty và Nghị quyết của Đại hội cổ đông.
2. Cùng với BDH, Tổng giám đốc đã điều hành SXKD; phát huy hiệu quả bộ máy tổ chức và quản lý Tổng công ty.
3. Việc tuyển dụng, sắp xếp nhân lực phù hợp với công việc và quy mô phát triển của Tổng công ty đồng thời tiết kiệm chi phí hoạt động.

III. Kết quả kinh doanh và tài chính của Tổng công ty:

1. Kết quả thực hiện kế hoạch SXKD năm 2022:

Báo cáo tài chính đã phản ánh chính xác tình hình tài chính kinh doanh của Tổng công ty tại thời điểm 31/12/2022 là phù hợp với quy định kế toán hiện hành, không có sai sót trọng yếu xảy ra về công tác hạch toán kế toán.

Đơn vị tính: tỷ đồng, %

Stt	Chỉ tiêu	2021	2022	Tăng (giảm) %	
				Tuyệt đối	Tương đối
1	Doanh thu thuần	1.914	1.977	63	3%
2	Doanh thu hoạt động tài chính	29	41	12	4%
3	Tổng chi phí	1.916	1.989	73	4%
4	Lợi nhuận trước thuế	27	30	3	10%
5	Lợi nhuận sau thuế	24	25	2	6%
6	Tổng tài sản	956	955	(1)	-0,1%
7	Vốn chủ sở hữu	158	183	25	14%
8	Tỷ suất LNST/Doanh thu	1,2%	1,3%		
9	Tỷ suất LNST/Tài sản	2,5%	2,6%		
10	Tỷ suất LNST/Vốn CSH	14,9%	13,7%		

1.1 Doanh thu:

- Năm 2022 doanh thu thuần đạt 1.977 tỷ đồng, tăng 63 tỷ đồng so với năm 2021 tương ứng tăng 3% chủ yếu do doanh thu xuất khẩu tăng 157 tỷ, doanh thu nội địa giảm 94 tỷ (~ 11%).

- Doanh thu hoạt động tài chính tăng 13 tỷ chủ yếu do tăng lãi chênh lệch tỉ giá và giảm doanh thu từ cổ tức và lợi nhuận được chia.

1.2 Chi phí:

Tổng chi phí (Giá vốn hàng bán, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp) năm 2022 là 1.989 tỷ đồng, năm 2021 là 1.916 tỷ đồng, tăng 73 tỷ. Trong đó các chi phí chủ yếu tăng giảm như sau :

- Chi phí giá vốn hàng bán: tăng 101 tỷ đồng tương ứng với doanh thu tăng và do thay đổi cách hạch toán chi phí bán hàng.

- Chi phí tài chính: tăng 25 tỷ đồng do tăng khoản lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và tăng chi phí lãi vay vì lãi suất tăng.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp: tăng 15 tỷ gồm chi phí tiền lương. Chi phí phòng chống dịch Covid giảm hơn 900 triệu so với năm 2021.

Trong năm, công ty hoàn nhập dự phòng 968 triệu đồng và trích lập dự phòng 189 triệu.

1.3 Lợi nhuận:

Lợi nhuận của Tổng công ty năm 2022 đạt 30 tỷ. Tổng LNST là 25 tỷ đồng; TCT dự kiến chi trả cổ tức 25% trên vốn điều lệ, tương đương 22,5 tỷ đồng.

2. Tình hình tài chính:

Năm tài chính 2022 của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 hàng năm và kết thúc vào ngày 31/12 cùng năm. Công tác tài chính đảm bảo khả năng thanh toán, ổn định dòng tiền cho các đơn vị thành viên trong điều kiện thị trường tài chính nhiều khó khăn, biến động.

- Tổng công ty đầu tư góp vốn vào 13 đơn vị gồm 01 công ty con, 07 công ty liên kết và 05 đơn vị đầu tư dài hạn khác. Hiệu quả của việc góp vốn vào các công ty, Tổng công ty đã nhận được số tiền cổ tức trong năm 2022 là 5,2 tỷ đồng.

Trong lĩnh vực đầu tư tài chính, BKS nhận thấy hoạt động đầu tư của Tổng Công ty là minh bạch, có hiệu quả, bảo toàn vốn và an toàn.

Cơ cấu vốn điều lệ của công ty đến 31/12/2022:

STT	Nội dung	01/1/2022	31/12/2022	Tỷ lệ (%)
1	Vốn điều lệ	89.996.220.000	89.996.220.000	100
1.1	Vốn góp của Tập đoàn DMVN	31.692.220.000	31.692.220.000	35,21
1.2	Vốn góp của Công ty CP chứng khoán phố Wall	13.238.120.000	13.238.120.000	14,71
1.3	Vốn góp của các đối tượng khác	45.065.880.000	45.065.880.000	50,08
2	Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000	10.000	

IV. Đánh giá việc thực hiện Nghị Quyết Đại hội cổ đông:

Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc đã bám sát định hướng và những nhiệm vụ trọng tâm được nêu tại Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2022, chỉ đạo điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty, tìm ra những giải pháp phù hợp với tình hình thực tế.

Kết quả thực hiện Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 của Tổng công ty đạt mục tiêu lợi nhuận như Nghị quyết của ĐHĐCĐ do có sự chỉ đạo quyết liệt từ HĐQT và BDH giúp ngăn ngừa và hạn chế rủi ro trong kinh doanh. Tình hình tài chính cấu công ty lành mạnh, chi phí của công ty hợp lý, chính sách sử dụng vốn của công ty an toàn.

Ban kiểm soát nhất trí với Báo cáo của Hội đồng Quản trị và Ban điều hành về việc đánh giá tình hình và kết quả SX kinh doanh đã đạt được của Tổng công ty.

V. Phương hướng, nhiệm vụ của BKS trong năm 2023:

Căn cứ định hướng và kế hoạch kinh doanh của Tổng công ty, cũng như cơ chế phối hợp giữa HĐQT, BDH và BKS đã được thiết lập trong các hoạt động kiểm tra, giám sát, BKS xác định phương hướng hoạt động năm 2023 tập trung vào các nội dung chính như sau :

1. Tăng cường nâng cao hoạt động giám sát tuân thủ đối với các nội dung yêu cầu của Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán và Điều lệ Tổng công ty.
2. Kiểm tra, xem xét các Báo cáo tài chính định kỳ.
3. Duy trì sự phối hợp chặt chẽ trong hoạt động với HĐQT, Ban Tổng giám đốc và các phòng ban trong Công ty.

VI. Kiến nghị:

Ban kiểm soát xin có một số kiến nghị đối với Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc một số nội dung sau :

- Tiếp tục xây dựng kế hoạch nguồn vốn để đảm bảo phát triển bền vững và an toàn tài chính.
- Ứng dụng công nghệ thông tin, các giải pháp làm việc linh hoạt nhằm nâng cao hiệu suất và tốc độ xử lý công việc.
- Đẩy mạnh công tác đào tạo phát triển nhân sự chất lượng cao và kiểm soát tốt việc ứng dụng sau đào tạo. Xây dựng chính sách cán bộ phù hợp với hiện tại và yêu cầu phát triển của Tổng công ty.

Kính trình đại hội đồng cổ đông.

Thay mặt Ban kiểm soát

Nguyễn Thị Vân Oanh